

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/DS-PT
Ngày: 01-8-2017
Tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Mai.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2017, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐ-PT ngày 21/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Hải H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, đường V, tổ B, khóm D1, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Hải H là anh Bùi Văn Vũ L; sinh năm: 1992; Địa chỉ: Số Z, ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hà Th, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ Y, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Hồ Văn N, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Số A1, Phạm Hữu P, tổ Y1, khóm E1, phường E1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3.2. Ông Lê Việt V, sinh năm 1962; Địa chỉ: H1, đường Bùi Hữu D, phường A1, quận Z1, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hà Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Hồ Hải H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày: Thời gian trước đây, ông Th hỏi vay tiền của ông H nhiều lần và sau mỗi lần ông Th vay đều thanh toán gốc và lãi đầy đủ.

Ngày 06/9/2015, ông Th tiếp tục hỏi vay tiền của ông H số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 2%/tháng. Nhưng đến hạn trả lãi thì ông Th không thực hiện. Đến hạn trả nợ gốc, ông Th cũng không thực hiện.

Ông Th đã đóng lãi cho ông H được 04 tháng đầu với số tiền là 3.200.000 đồng. Thời hạn đóng lãi tiếp theo và trả vốn gốc, ông Th không thực hiện. Sau đó, ông H tiếp tục yêu cầu ông Th trả nợ nhiều lần nhưng ông Th tiếp tục không thực hiện mà còn cho rằng không thiếu nợ của ông H.

Tiếp sau đó, ông Th hứa sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông để có tiền trả cho ông H nhưng đến nay ông Th vẫn không trả được khoản tiền nào cho ông H.

Nay, ông H yêu cầu ông Th trả cho ông H số tiền vốn gốc là 40.000.000 đồng, 06 tháng tiền lãi là 1.800.000 đồng (Lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 06/02/2016 đến ngày 06/9/2016).

- Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hà Th trình bày: Trước đây ông có vay tiền của ông H và ông V nhiều lần tổng số tiền là 550.000.000 đồng, sau đó ông đã thanh toán đầy đủ cho ông H số tiền trên cả vốn lẫn lãi. Khi vay đều có làm biên nhận nhưng ông chỉ ký tên chỗ người vay không có ghi nội dung và đầy đủ thông tin vào biên nhận nợ. Lần cuối cùng ông trả nợ vào khoảng tháng 11/2016 với số tiền 50.000.000 đồng nhưng hai bên không có chốt nợ mà phía ông H chỉ có trả lại cho ông sổ hồng đã thế chấp.

Đối với các biên nhận nợ do không ghi đầy đủ thông tin và các lần trả nợ cũng không nhận lại đầy đủ các biên nhận nợ nên ông H còn giữ một số biên nhận nợ của ông nhưng không biết ghi số tiền bao nhiêu.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng là tiền phạt do chậm trả lãi cho ông H, sau đó cộng chung với số tiền vay trước đó là 10.000.000 đồng thành biên nhận nợ 50.000.000 đồng và phía ông đã thanh toán xong cho ông H vào lần trả cuối

cùng tháng 11/2016.

Còn biên nhận nợ 40.000.000 đồng do ông H cung cấp do khi ký bị lem nên hai bên thống nhất hủy bỏ nhưng ông H ghi nội dung vào, nếu ông H cung cấp được bản chính thì ông đồng ý trả số tiền trên nhưng phía ông H phải trả cho ông giấy hồng đã thế chấp vì khi vay ông đều có thế chấp giấy hồng cho ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Hải H.

- Buộc ông Nguyễn Hà Th có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Hải H số tiền vốn vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, tiền lãi tổng cộng là 2.440.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 42.440.000 đồng (bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn chục ngàn đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông H nếu ông Th chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất 10%/ năm tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 14 tháng 4 năm 2017, ông Nguyễn Hà Th kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn đồng ý theo bản án sơ thẩm và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện; Còn bị đơn không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên nên kháng cáo.

Theo nội dung đơn kháng cáo cũng như lời trình bày của bị đơn Nguyễn Hà Th tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng: Đối với biên nhận nợ 40.000.000 đồng mà ông H khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 40.000.000 đồng cho ông H đó là biên nhận trước đây bị đơn vay tiền của ông V do khi ký tên bị lem nên hai bên thống nhất hủy bỏ nhưng ông V không bỏ mà đưa cho ông H ghi nội dung vào và cho rằng bị đơn nợ ông H 40.000.000 đồng là không đúng nên bị đơn không đồng ý

trả số tiền 40.000.000 đồng trên cho ông H. Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày của ông Nguyễn Hà Th là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Th không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Đồng thời, theo giấy xác nhận giao nhận tiền ngày 06/9/2015 do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn thừa nhận có ký tên vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào giấy xác nhận giao nhận tiền ngày 06/9/2015 trên, Hội đồng xét xử buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 40.000.000 đồng còn nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Th trình bày là ông chỉ vay tiền của ông Lê Việt V chứ không vay tiền của ông H nên ông Th yêu cầu Tòa án triệu tập ông V để bảo vệ quyền lợi cho ông Th. Xét lời trình bày trên của ông Th là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, tại đơn xin xét xử vắng mặt và tham gia ý kiến ngày 14/3/2017 của ông Lê Việt V đã nộp Tòa sơ thẩm thì ông V trình bày là ông V hoàn toàn không biết việc vay mượn giữa hai bên là ông Th và ông H và ông V cũng không liên quan gì đến việc vay mượn giữa ông H và ông Th. Đồng thời các bên cũng không có yêu cầu đưa ông Lê Việt V vào tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên Tòa án không xem xét đưa ông V vào với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với người làm chứng là ông Hồ Văn N trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là ông N không biết gì về việc vay tiền giữa ông Hồ Hải H và ông Nguyễn Hà Th. Do đó, lời trình bày của ông N không thể làm chứng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu ông Th trả số tiền 2.440.000 đồng tiền lãi cho ông H. Hội đồng xét xử xét việc nguyên đơn không yêu cầu ông Th trả số tiền lãi trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H là yêu cầu ông Th có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn là 40.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th.

Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn rút phần lãi và bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án bằng 10%/năm là chưa đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần phải sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần lãi chậm thi hành án là tính mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp. Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy sửa về phần án phí cho phù hợp và tương ứng với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai

đoạn phúc thẩm. Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hà Th và chấp nhận phần tự nguyện thay đổi yêu cầu của nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền là anh Bùi Văn Vũ L không yêu cầu tính lãi suất đối với ông Th, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C cho phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị tiếp tục tính lãi suất chậm trả kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần tiền án phí phải chịu cho đương sự phù hợp với quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Do kháng cáo của ông Th không được chấp nhận nên ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Các phần khác tại bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hà Th.

2. Sửa án sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Hà Th có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Hải H số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Về lãi suất chậm trả: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông H nếu ông Th chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

- Ông Hồ Hải H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.045.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai số 08168 ngày 30/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Hà Th phải nộp số tiền 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hà Th phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu số 13331 ngày 17/4/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C, Đồng Tháp (ông Th đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Tp.C;
- CCTHADS Tp.C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giao